

Số: **3135**/HD-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày **31** tháng 10 năm 2022

HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 4886/UBND-GD ngày 08/9/2022 về việc thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn triển khai, thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND như sau:

I. Đối tượng, mức và thời gian hỗ trợ

1. Đối tượng

a. Đối tượng được hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND gồm: trẻ em mầm non, học sinh tiểu học trường tư thục, học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

b. Đối tượng không hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND gồm:

Học sinh tiểu học trường công lập (do thuộc đối tượng không phải nộp học phí quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP);

Các đối tượng đang được hưởng chính sách hỗ trợ học phí theo quy định của tỉnh: Trẻ em quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Học sinh quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh, ban hành kèm theo Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Học viên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 310/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành chính sách hỗ trợ học nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo và hỗ trợ kinh phí, học phí học văn hóa cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021 - 2025.

c. Đối tượng hưởng hỗ trợ học phí theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND thì không hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

2. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND, trong đó mức hỗ trợ cho đối tượng đang học tại cơ sở giáo dục tư thục bằng mức hỗ trợ cho đối tượng đang học tại cơ sở giáo dục công lập cùng cấp học, cùng vùng địa bàn cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND.

3. Thời gian hưởng hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND. Trường hợp học trực tuyến (học online) thì mức hỗ trợ trong thời gian học trực tuyến bằng mức học phí quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND.

II. Hồ sơ, trình tự thực hiện hỗ trợ

1. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức phổ biến chính sách hỗ trợ học phí theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tới người học, cha mẹ hoặc người giám hộ của người học.

2. Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 05/11/2022 (đối với Học kỳ I) và từ ngày 01/4/2022 đến ngày 05/4/2022 (đối với Học kỳ II), cơ sở giáo dục tổ chức thẩm định và lập danh sách đối tượng được hỗ trợ (theo *Mẫu số 01*) gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục), Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với cơ sở giáo dục thuộc cấp huyện quản lý) và Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cơ sở giáo dục thuộc cấp tỉnh quản lý).

3. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các cơ sở giáo dục. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và

Đào tạo trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không được hỗ trợ cho cơ sở giáo dục để thông báo cho đối tượng biết.

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ học phí của các cơ sở giáo dục chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp kinh phí đề nghị hỗ trợ (theo *Mẫu số 02*) và danh sách đối tượng đề nghị hỗ trợ học phí (*Mẫu số 01*) kèm theo Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ học phí của từng cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý; Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp kinh phí đề nghị hỗ trợ (theo *Mẫu số 02*), ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ học phí (*Mẫu số 01*) của từng cơ sở giáo dục trực thuộc.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ, việc hỗ trợ học phí được thực hiện như sau:

a. Đối với đối tượng hưởng hỗ trợ học tại cơ sở giáo dục tư thục: Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo làm thủ tục rút kinh phí tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để cấp tiền cho các cơ sở giáo dục. Cơ sở giáo dục lập danh sách chi trả (theo *Mẫu số 03*) để đối tượng được hưởng hỗ trợ (nếu đủ từ 18 tuổi trở lên) hoặc cha mẹ hoặc người giám hộ của đối tượng hưởng hỗ trợ ký sau khi nhận hỗ trợ. Sau khi chi trả tiền hỗ trợ, cơ sở giáo dục nộp danh sách chi trả cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quyết toán.

b. Đối với đối tượng hưởng hỗ trợ học tại cơ sở giáo dục công lập: Thực hiện như phương thức cấp bù tiền miễn học phí theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Người đứng đầu cơ sở giáo dục công lập, tư thục chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác số liệu, hồ sơ, đối tượng hưởng hỗ trợ học phí, trình tự thủ tục để thực hiện chi trả.

III. Nguồn và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ

1. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ

a. Đối với học kỳ I năm học 2022 - 2023: Ngân sách tỉnh giao dự toán bổ sung cho Sở Giáo dục và Đào tạo; cấp bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo nhu cầu đề xuất sau khi đã trừ kinh phí chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc ngân sách địa phương bố trí cho nội dung hỗ trợ miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (nếu có).

b. Đối với học kỳ II năm học 2022 - 2023: Trên cơ sở thực hiện hỗ trợ học kỳ I năm học 2021- 2022, Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo lập dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ tổng hợp vào dự toán chi ngân sách năm 2023 (chi sự nghiệp giáo dục) của địa phương, đơn vị để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí cho đối tượng.

2. Quyết toán kinh phí hỗ trợ

Kinh phí chi thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho đối tượng quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND được hạch toán, quyết toán vào chi ngân sách năm 2022 (đối với Học kì I năm học 2022 - 2023) và năm 2023 (đối với Học kì II năm học 2022 - 2023) của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành, cụ thể:

a. Chi hỗ trợ học phí cho đối tượng trong các cơ sở giáo dục công lập: Được hạch toán và quyết toán vào chi ngân sách của các cơ sở giáo dục công lập theo chương, loại, khoản mục lục ngân sách quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính, tiểu mục 7766.

b. Chi hỗ trợ học phí cho đối tượng trong các cơ sở giáo dục tư thục do cấp xã quản lý: Được hạch toán và quyết toán vào chi ngân sách cấp xã theo chương 822, khoản 071, tiểu mục 7766.

c. Chi hỗ trợ học phí cho đối tượng trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập do phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý: Được hạch toán và quyết toán vào chi ngân sách theo chương 422 (Sở Giáo dục và Đào tạo), chương 622 (phòng Giáo dục và Đào tạo), loại, khoản tương ứng, tiểu mục 7766.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong hướng dẫn này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được dẫn chiếu áp dụng theo văn bản mới đó. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính để hướng dẫn bổ sung hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết./. *JOC*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, LĐTĐBXH;
- UBND các huyện, TX, TP;
- GD, các PGD Sở GD&ĐT;
- Các Phòng GD&ĐT;
- Các đơn vị thuộc Sở GD&ĐT;
- Các CSGD trên địa bàn tỉnh;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Ngọc Sơn

ĐƠN VỊ: (TRƯỜNG, TRUNG TÂM, CƠ SỞ)



DANH SÁCH

Đề nghị hỗ trợ học phí Học kỳ ... năm học 2022 - 2023 theo quy định tại
Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

| TT | Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/ học sinh/học viên) | Nhóm/ Lớp | Số tháng hưởng hỗ trợ | Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng) | Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ | Ghi chú |
|-------------------|--|--------------|-----------------------|---------------------------------|-------------------------------------|---------|
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| Tổng cộng: | | | | | | |

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ là: đồng (Bằng chữ: đồng)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 20 ...

HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC/PHỤ TRÁCH CƠ SỞ

(Ký, đóng dấu)

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN/PHÒNG GD&ĐT/SỞ GD&ĐT

**TỔNG HỢP KINH PHÍ**

Đề nghị hỗ trợ học phí Học kỳ năm học 2022 - 2023 theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

| TT | Tên cơ sở giáo dục | Tổng số đối tượng hưởng hỗ trợ | Số tháng hỗ trợ | Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng) | Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------------------|-----------------|---------------------------------|-------------------------------------|---------|
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | Tổng cộng: | | | | | |

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ là: đồng (Bằng chữ: đồng)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 20 ...

CHỦ TỊCH UBND/TRƯỞNG PHÒNG/GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ: (TRƯỜNG, CƠ SỞ)

**DANH SÁCH**

**Nhận tiền hỗ trợ học phí theo quy định tại Nghị quyết số
01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
Học kỳ năm học 2022 - 2023**

(Dành cho cơ sở giáo dục tư thục)

| TT | Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ | Nhóm/ Lớp | Số tiền được hỗ trợ | Họ và tên người nhận tiền hỗ trợ | Quan hệ với đối tượng được hỗ trợ (cha/mẹ/người giám hộ) | Ký nhận |
|----|----------------------------------|--------------|---------------------|----------------------------------|--|---------|
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | Tổng cộng: | | | | | |

Tổng số tiền đã chi trả là: đồng (*Bằng chữ: đồng*)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 20 ...

HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC/PHỤ TRÁCH CƠ SỞ

(Ký, đóng dấu)